

Phát triển năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non

Nguyễn Thị Vui

ThS. Trường Đại học Tân Trào

Received: 11/7/2024; Accepted: 16/7/2024; Published: 22/7/2024

Abstract: *Preschool education is the first level of education with an important position in the human resources development strategy. In the process of caring for and educating children at preschool, preschool teachers always hold the most important position. The article presents basic concepts, characteristics of preschool teachers' professional activities and activities to develop capacity to adapt to changes in preschool teachers' professional activities. The research results aim to help preschool teachers improve their work efficiency, while also making an important contribution to ensuring comprehensive and sustainable development for children in the early stages of life.*

Keywords: *Develop, adaptive capacity, professional activities, preschool teachers*

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh giáo dục (GD) ngày càng thay đổi nhanh chóng, năng lực thích ứng của giáo viên mầm non (GVMN) trở thành yếu tố then chốt quyết định chất lượng GD và sự phát triển toàn diện của trẻ em. Với sự phát triển không ngừng của công nghệ và các phương pháp giảng dạy mới, GVMN phải đối mặt với nhiều thách thức và cơ hội. Khả năng thích ứng giúp giáo viên (GV) theo kịp những tiến bộ của GD, đồng thời tạo điều kiện để họ phát huy tối đa tiềm năng nghề nghiệp, góp phần xây dựng một môi trường học tập sáng tạo và hiệu quả cho trẻ em. Ngoài những yêu cầu về năng lực (NL) chung của GV thì GVMN còn phải thành thạo các NL chuyên biệt để đảm bảo thực hiện các hoạt động đặc thù trong nuôi dưỡng, chăm sóc và GD trẻ. Vì thế, phát triển NL thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp (HĐNN) của GVMN lại càng quan trọng. Tuy nhiên thực tế cho thấy, NL thích ứng nghề của một số GVMN còn hạn chế, chưa sáng tạo trong thiết kế môi trường học tập cho trẻ; trong cách đánh giá trẻ; việc vận dụng những phương pháp giáo dục tiên tiến còn hạn chế... GV mới ra trường còn yếu các kỹ năng, như: kỹ năng quản lý lớp học, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức các hoạt động, kỹ năng giao tiếp với phụ huynh, khả năng chăm sóc trẻ... Bài báo của tác giả nghiên cứu một số khái niệm cơ bản, đặc điểm HĐNN của GVMN; từ đó đưa ra một số hoạt động cụ thể nhằm phát triển NL thích ứng với sự thay đổi trong HĐNN của GVMN, đáp ứng yêu cầu đổi mới GDMN trong giai đoạn hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Một số khái niệm cơ bản

Năng lực: Là một trong những thành tố quan trọng

trong cấu trúc của nhân cách. Dưới góc độ GD học, NL là kết quả của quá trình GD, rèn luyện của cá nhân, thể hiện ở những kiến thức, kỹ năng và thái độ phù hợp để cá nhân có thể tham gia hiệu quả vào một lĩnh vực hoạt động nhất định.

Theo Boyatzis (1991), “Năng lực” là một số kiến thức, kỹ năng, khả năng, tính cách, động cơ liên quan đến công việc, sự thể hiện trong công việc và một số những kết quả quan trọng khác trong cuộc sống. Năng lực bao gồm 3 tiêu chí cơ bản liên quan các tiêu chí đánh giá hiệu suất công việc: kiến thức, kỹ năng và thái độ (Spencer & Spencer, 1993).

Thích ứng, theo tác giả Nguyễn Văn Hộ [3], thích ứng của con người là thích ứng trong cuộc sống cộng đồng với các quan hệ xã hội cụ thể. Thích ứng là quá trình chủ thể nắm lấy công cụ, phương tiện do xã hội tạo ra để làm chủ quá trình phát triển của bản thân như là một cá nhân sống trong cộng đồng xã hội nhất định.

Thích ứng nghề nghiệp, theo tác giả Nguyễn Thị Hiền, “Thích ứng nghề nghiệp là quá trình con người nhận thức và hành động một cách chủ động, tích cực nhằm làm quen, tiếp nhận các yếu tố, đặc điểm và điều kiện lao động của môi trường nghề nghiệp, điều chỉnh cảm xúc, lĩnh hội kinh nghiệm và phương thức hành vi mới, nỗ lực khắc phục khó khăn nhằm giải quyết thành công những vấn đề nảy sinh trong quá trình hoạt động nghề nghiệp”[4].

Năng lực thích ứng nghề nghiệp: Là tổ hợp NL nhận thức nghề, NL tiến hành phương thức hoạt động nghề và NL cảm xúc với việc thực hiện phương thức hoạt động nghề cho phép cá nhân đáp ứng ngày càng cao những yêu cầu của nghề trong các điều kiện cụ thể.

2.2. Đặc điểm hoạt động nghề nghiệp của GV mầm non

a. Mục đích HDNN của GVMN là giúp trẻ phát triển thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên nhân cách, chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1.

b. Đối tượng HDNN của GVMN

Lao động của người GVMN không thể so sánh với bất kỳ dạng lao động sư phạm nào khác vì đối tượng lao động của GVMN là trẻ em từ 3 tháng đến 6 tuổi, lứa tuổi non nớt nhất của cuộc đời con người. Đây là giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh, mạnh mẽ về mọi mặt: thể chất, tâm lí và xã hội với gia tốc phát triển khác nhau ở mỗi giai đoạn, mỗi cá nhân trẻ. Trong quá trình tổ chức các hoạt động chăm sóc - GD trẻ, GVMN cùng một lúc phải đóng ba vai trò xã hội: Vừa là người mẹ, vừa là người thầy, vừa là người bạn cùng học, cùng chơi, cùng hát, múa,... với trẻ.

c. Phương tiện hoạt động nghề nghiệp

Để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc, GD trẻ phát triển toàn diện, GVMN đã sử dụng nhiều phương tiện lao động khác nhau trong quá trình tổ chức các hoạt động cho trẻ. Hệ thống tri thức, kĩ năng nghề nghiệp và những dạng hoạt động được tổ chức phù hợp với lứa tuổi trẻ em được xem là phương tiện lao động quan trọng của GVMN. Vì thế sự hiểu biết đầy đủ, đúng đắn về lĩnh vực GDMN, sự thành thạo trong chăm sóc - GD trẻ và khả năng thu hút trẻ tích cực tham gia vào các hoạt động đa dạng, phù hợp không chỉ là phương tiện mà còn là điều kiện đảm bảo sự thành công của người GV trong công việc.

d. Môi trường hoạt động nghề nghiệp

Trường mầm non là đơn vị cơ sở của cấp học GDMN. Việc chăm sóc - GD trẻ ở trường MN mang tính chất GD gia đình, vì thế môi trường làm việc của GVMN là sự tích hợp của môi trường sư phạm và môi trường gia đình.

e. Sản phẩm hoạt động nghề nghiệp

Lao động của GVMN với đối tượng là trẻ em dưới 6 tuổi, sản phẩm lao động của họ chính là nhân cách đứa trẻ được GD. Đó cũng là kết quả thực hiện mục tiêu GD đối với từng độ tuổi và mục tiêu chung của cấp học.

Để có sản phẩm là những đứa trẻ khoẻ mạnh, nhanh nhẹn, nhân hậu, hồn nhiên, thông minh, giàu cảm xúc, tình cảm, biết yêu quý giữ gìn cái đẹp... GVMN phải lao động bền bỉ, kiên trì, tỉ mỉ, chu đáo, sáng tạo bằng cả sức lực, trí tuệ và trái tim của mình [5].

Từ những đặc điểm trình bày ở trên cho chúng ta thấy, lao động sư phạm của GVMN là sự tổng hoà

các đặc điểm lao động của các nhà GD, lao động của người mẹ và lao động của người thầy thuốc. Đây là loại hình lao động vừa tinh tế vừa phức tạp nhưng vô cùng có trách nhiệm với xã hội, đòi hỏi cao sự mẫu mực, nghiêm túc về nghệ thuật sư phạm của GV. Người GVMN cần nhận thức đầy đủ những đặc điểm đó để tổ chức quá trình lao động sư phạm một cách khoa học nhằm đạt kết quả tối ưu.

2.3. Phát triển năng lực thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động nghề nghiệp của giáo viên mầm non

Để phát triển NL thích ứng với sự thay đổi trong HDNN của GVMN, có thể thực hiện các hoạt động cụ thể sau:

2.3.1. Xây dựng môi trường giáo dục tích cực, đổi mới, sáng tạo

- * Xây dựng môi trường tâm lí, xã hội
- Thực hiện ứng xử văn hoá, văn minh
- Kĩ năng hợp tác, giao tiếp, thích ứng xã hội cho GV
- Tổ chức hội thảo, chia sẻ
- Cơ chế khuyến khích, động viên GV phát triển bản thân, tôn trọng sự khác biệt...

- Xây dựng tiêu chí đánh giá GV rõ ràng, coi trọng và ghi nhận sự tiến bộ của cá nhân và tập thể.

- * Xây dựng môi trường vật chất
- Tạo cảnh quan môi trường GD xanh, sạch, đẹp.
- Hỗ trợ cho GV về cơ sở vật chất trong giảng dạy, học tập và bồi dưỡng.

- Tổ chức câu lạc bộ học tập, nghiên cứu, câu lạc bộ văn hoá, văn nghệ...

2.3.2. Sinh hoạt chuyên môn theo hướng chuyên sâu, đa dạng hóa, hiện đại hóa

*Đối với cán bộ quản lý và nhà trường

- Tạo niềm tin cho GV về những thay đổi tích cực của bản thân họ trong các buổi dự giờ sinh hoạt chuyên môn, ...

- Thường xuyên tổ chức sinh hoạt chuyên môn dựa trên phân tích hoạt động học tập của học sinh, tạo điều kiện về thời gian, cơ sở vật chất cho các tổ, nhóm chuyên môn và GV để triển khai công việc...

- Có cơ chế động viên khen thưởng kịp thời các tổ, nhóm chuyên môn tích cực đổi mới.

- Lên kế hoạch để bổ sung thiết bị dạy học để đảm bảo cho các hoạt động dạy và học của nhà trường: điều kiện về cơ sở vật chất để chuẩn bị cho giờ dạy như: máy ảnh, máy chiếu, máy quay nếu có điều kiện, tư liệu, học liệu,...

- Tổ chức cho GV tham gia thiết kế, thảo luận về kế hoạch bài học (giáo án), tổ chức dạy minh họa, dự giờ, suy ngẫm, phân tích bài học trên cơ sở phân tích

các hoạt động học của học sinh, tổ chức học rút kinh nghiệm để từ đó cải tiến phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá, xây dựng thành bài học kinh nghiệm, áp dụng vào công việc giảng dạy hàng ngày.

***Đối với GV**

- Tìm hiểu nội dung, cách thức thực hiện mô hình sinh hoạt chuyên môn dựa trên phân tích hoạt động học tập của học sinh.

- Đăng ký tham gia nhóm thiết kế bài dạy minh họa, suy nghĩ, tìm tòi, tích cực sáng tạo....

- Học cách quan sát học sinh học, ghi chép, lắng nghe, phản hồi tích cực

- Chiếm nghiệm, rút bài học, vận dụng vào thực tiễn

- Cởi mở, tôn trọng sự khác biệt

- Bàn bạc, trao đổi, đi sâu vào nghiên cứu, đề xuất những thay đổi điều chỉnh vì chất lượng hoạt động học của học sinh.

2.3.3. Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng một cách chủ động, linh hoạt

- Nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng ở trường MN là hoạt động thực hiện một tác động hoặc can thiệp sư phạm vào các phương diện của quá trình giáo dục ở trường MN và sử dụng các phương pháp nghiên cứu phù hợp để đánh giá sự ảnh hưởng của các tác động đó. GV tiến hành nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng sẽ tiếp nhận chương trình, phương pháp dạy học mới một cách sáng tạo có sự phê phán một cách tích cực. Qua đó giúp GV hình thành các kỹ năng:

+ Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu sâu về các phương pháp nghiên cứu khoa học.

+ Nhạy bén với các vấn đề thực tiễn.

+ Biết đề xuất cải tiến, thay đổi những vấn đề thực tiễn.

+ Nghiên cứu, tìm hiểu về những xu hướng mới, cách thức mới áp dụng vào thực tiễn.

+ Chủ động hợp tác, phối hợp với đồng nghiệp trong nghiên cứu khoa học.

2.3.4. Tham gia tích cực, đa dạng các hoạt động xã hội và chính trị

Tham gia tích cực và đa dạng các hoạt động xã hội và chính trị là một phần quan trọng trong việc phát triển và góp phần vào cộng đồng xã hội của GVMN. Dưới đây là một số cách mà GVMN có thể tham gia tích cực và đa dạng các hoạt động xã hội và chính trị:

- Tham gia các hoạt động từ thiện và công ích: GV có thể tham gia các hoạt động từ thiện và công ích trong cộng đồng như quyên góp, giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, tham gia các chương trình giúp trẻ em và người cao tuổi.

- Đóng góp ý kiến và tham gia vào các diễn đàn xã hội: GV có thể tham gia vào các diễn đàn xã hội để chia sẻ ý kiến, đóng góp kiến thức và kinh nghiệm của mình vào các vấn đề xã hội và chính trị.

- Tham gia các tổ chức xã hội và từ thiện: GV có thể tham gia vào các tổ chức xã hội và từ thiện để đóng góp thêm vào cộng đồng, tham gia vào các hoạt động và chiến dịch vì mục tiêu xã hội.

- Tham gia các chương trình GD và đào tạo xã hội: GV có thể tham gia vào các chương trình GD và đào tạo xã hội để nâng cao kiến thức và nhận thức về các vấn đề xã hội, từ đó hỗ trợ trẻ em phát triển toàn diện.

- Hỗ trợ và tham gia các hoạt động liên quan đến trẻ em và gia đình: GVMN có thể tham gia vào các hoạt động hỗ trợ trẻ em và gia đình, như chương trình hỗ trợ trẻ em tự kỷ, chương trình chăm sóc trẻ em trong hoàn cảnh khó khăn,...

3. Kết luận

Năng lực thích ứng có ý nghĩa quan trọng trong hoạt động chăm sóc và GD trẻ MN nói riêng, việc nghiên cứu tìm các hoạt động phát triển NL thích ứng trong HDNN của GVMN góp phần nâng cao chất lượng GDMN, giúp GVMN nâng cao hiểu biết về nghề, củng cố lòng yêu nghề, yêu trẻ em, xây dựng tâm thế sẵn sàng tham gia vào thực tế hoạt động chăm sóc và GD trẻ. Đồng thời NL thích ứng nghề còn giúp GVMN không ngừng phát triển liên tục NL chuyên môn mà nghề nghiệp đặt ra, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Vì vậy, GVMN cần không ngừng học hỏi, cập nhật kiến thức và kỹ năng mới để đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp trong bối cảnh xã hội luôn thay đổi. Chỉ khi đó, GDMN mới có thể phát triển bền vững và tạo ra những thế hệ trẻ tự tin, sáng tạo và sẵn sàng đối mặt với thách thức của tương lai.

Tài liệu tham khảo

[1]. Boyatzis, R. E. (1991), *The competent manager: A model for effective performance*. John Wiley & Sons.

[2]. Spencer Jr, L. M., & Spencer, S. M. (1993), *Competence at Work: Models for Superior Performance*. John Wiley & Sons.

[3]. Nguyễn Văn Hộ (2000), *Thích ứng sư phạm*, NXB Giáo dục. Hà Nội

[4]. Nguyễn Thị Hiền (2015), *Sự thích ứng với nghề công tác xã hội của sinh viên ngành công tác xã hội*, Luận án tiến sĩ Tâm lý học, Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam. Hà Nội

[5]. Hồ Lam Hồng (2008), *Nghề giáo viên mầm non*, NXB Đại học Sư phạm. Hà Nội